

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

VN-Index giăng co quanh 1,340 cả ngày hôm nay trước khi đóng cửa tại mốc 1,341.87 điểm, tăng hơn 2 điểm so với hôm qua. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tiêu cực với 11/18 ngành giảm điểm. Ngành Truyền thông, Dầu khí, Bất động sản,... có phiên giao dịch tích cực. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này bán ròng trên sàn HSX và mua ròng trên sàn HNX. Trong những phiên giao dịch tới, thị trường có lẽ sẽ tiếp tục giăng co quanh 1,340 - ngưỡng kháng cự cũ.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL đều tăng theo nhịp vận động của VN30.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 28/05/2025, các chứng quyền biến động theo xu hướng giăng co của cổ phiếu cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **+2.06** điểm, đóng cửa tại **1341.87** điểm. HNX-Index **+1.77** điểm, đóng cửa tại **223.56** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **VIC (+2.31)**, **VHM (+1.35)**, **VRE (+0.78)**, **BSR (+0.37)**, **VPL (+0.34)**.
- Kéo chỉ số giảm: **GEE (-0.48)**, **HVN (-0.30)**, **HDB (-0.28)**, **MBB (-0.21)**, **FPT (-0.20)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **20,898** tỷ đồng, giảm **-11.70%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 22,435 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 10.87 điểm. Thị trường có **139** mã tăng, 44 mã tham chiếu, **189** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-200.09** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **VCI (-101.10 tỷ)**, **VNM (-82.29 tỷ)**, **VCB (-62.40 tỷ)**, **HAH (-60.12 tỷ)**, **SSI (-58.19 tỷ)**. Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **24.83** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **-0.12%**. Các mã diễn biến tích cực:
PVS (+6.62%) [\(Link báo cáo\)](#)
BSR (+2.83%)
VHM (+1.88%) [\(Link báo cáo\)](#)
- BSC50 **-0.31%**. Các mã diễn biến tích cực:
VRE (+5.53%)
VIC (+2.65%)
IDC (+2.63%)

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	-0.12%	-0.31%	0.15%	0.33%
1 tuần	2.07%	3.79%	1.42%	0.90%
1 tháng	9.81%	10.59%	9.38%	9.13%
3 tháng	-4.81%	-4.20%	2.61%	5.03%

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,341.87	223.56	98.59
% 1D	0.15%	0.80%	0.46%
GTKL (tỷ VND)	20,914	1,626	736
%1D	-11.64%	-10.33%	-14.60%
GDNN (tỷ VND)	-200.09	24.83	24.83

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VHM	123.29	VCI	-101.10
DXG	79.47	VNM	-82.29
NLG	76.85	VCB	-62.40
MWG	76.08	HAH	-60.12
GVR	39.17	SSI	-58.19

Thị trường thế giới

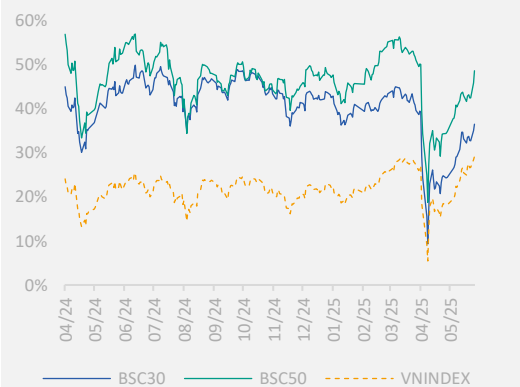
		%D	%W
SPX	5,922	2.05%	-0.71%
FTSE100	8,777	-0.01%	-0.04%
Eurostoxx	5,396	-0.54%	-1.02%
Shanghai	3,340	-0.02%	-1.41%
Nikkei	37,722	-0.01%	1.17%

Nguồn: Bloomberg

	Giá trị	%
Hàng hóa		
Giá dầu Brent	64.34	1.22%
Giá vàng	3,322	-0.33%
Tỷ giá		
USD/VND	26,120	0.08%
EUR/VND	30,132	-0.34%
JPY/VND	184	-0.54%
Lãi suất		
LS TPCP 10Y	3.2%	0.00%
LS LNH 1M	4.4%	

Nguồn: BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50



Nguồn: BSC tổng hợp

Mục lục

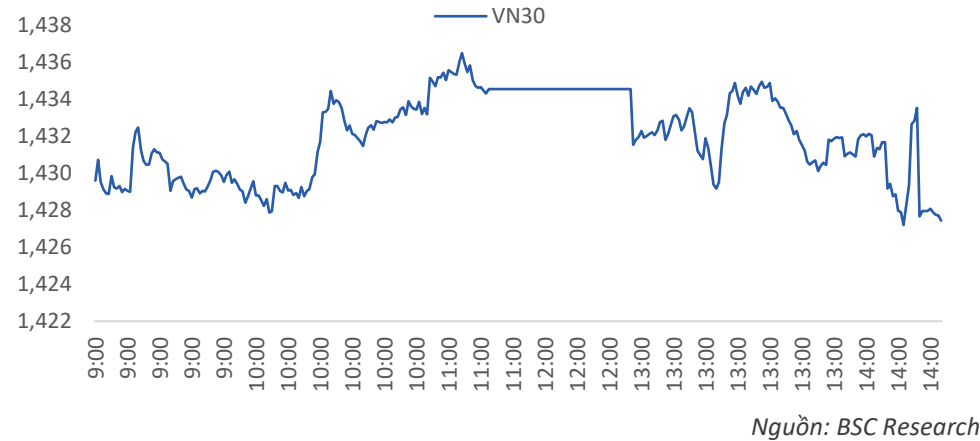
Tổng quan thị trường	Trang 1
Thị trường phái sinh	Trang 2
Thống kê thị trường	Trang 3
Danh mục BSC30	Trang 4
Danh mục BSC50	Trang 5
Báo cáo mới nhất	Trang 6
Khuyến cáo sử dụng	Trang 7



Mở tài khoản tại BSC

THỊ TRƯỜNG HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

VN30-Index Intraday



CK	Đóng	± Ngày (%)	KLGD	± Ngày (%)	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2509	1418.70	0.55%	92	80.4%	9/18/2025	113
VN30F2512	1415.50	0.27%	102	108.2%	12/18/2025	204
41I1F7000	1421.60	0.54%	642	45.6%	7/17/2025	50
VN30F2506	1421.20	0.40%	173,078	2.9%	6/19/2025	22

Nguồn: FiinproX, BSC Research

Nhận định

- VN30 +4.74 điểm, đóng cửa tại 1432.19 điểm. Biên độ dao động 9.97 điểm. Các cổ phiếu như VIC, VHM, VRE, HPG, SSB tác động tích cực đến nhịp vận động của VN30.
- VN30 duy trì được sắc xanh nhờ lực kéo của cổ phiếu trụ, đặc biệt là cổ phiếu họ Vin. Thanh khoản thị trường sụt giảm đáng kể. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch thận trọng trong những phiên tới.
- Các HĐTL đều tăng theo nhịp vận động của VN30. Xét về khối lượng, tất cả các HĐTL đều tăng.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành*	Giá CQ*	± Ngày	Giá Lý thuyết *	Giá hòa vốn*	Giá thực hiện*	Giá CKCS*
CVRE2410	6/30/2025	33	685,900	-73.53%	2.19	1,220	27.1%	6.13	7.07	26.70	26.70
CSTB2502	9/26/2025	121	16,500	-72.20%	3.55	2,620	24.2%	12.52	11.41	41.05	41.05
CVPB2509	11/19/2025	175	1,500	-80.30%	2.27	640	23.1%	7.89	3.55	18.00	18.00
CVRE2506	7/21/2025	54	138,400	-63.52%	1.90	1,960	22.5%	6.20	9.74	26.70	26.70
CVRE2501	6/26/2025	29	1,500	-61.35%	1.80	2,840	20.3%	8.30	10.32	26.70	26.70
CVRE2510	12/19/2025	205	37,100	-66.25%	2.21	1,700	18.9%	6.14	9.01	26.70	26.70
CVRE2509	11/19/2025	175	6,100	-65.26%	2.16	1,780	17.9%	6.15	9.28	26.70	26.70
CVRE2508	10/20/2025	145	1,900	-65.21%	2.09	1,800	16.9%	6.16	9.29	26.70	26.70
CFPT2501	7/28/2025	61	60,100	-85.23%	16.00	140	16.7%	10.19	17.40	117.80	117.80
CVRE2504	6/30/2025	33	4,800	-61.05%	1.79	8,610	15.7%	24.92	10.40	26.70	26.70
CVRE2503	10/27/2025	152	44,400	-57.90%	1.80	4,720	14.8%	12.47	11.24	26.70	26.70
CVIC2506	10/20/2025	145	8,700	-50.54%	5.78	8,440	14.1%	18.27	47.98	97.00	97.00
CVRE2406	7/28/2025	61	291,600	-62.92%	1.90	2,000	13.6%	6.20	9.90	26.70	26.70
CVRE2407	11/4/2025	160	6,800	-52.73%	1.60	5,510	12.7%	12.57	12.62	26.70	26.70
CVRE2408	8/14/2025	78	7,000	-65.77%	2.00	2,380	12.3%	8.24	9.14	26.70	26.70
CVIC2507	11/19/2025	175	26,400	-50.89%	5.89	8,350	12.1%	18.25	47.64	97.00	97.00
CVIC2508	12/19/2025	205	31,900	-51.91%	6.10	8,110	10.8%	18.21	46.65	97.00	97.00
CVHM2502	10/27/2025	152	55,300	-49.40%	4.50	6,690	10.4%	14.12	37.95	75.00	75.00
CVRE2507	9/19/2025	114	700	-64.84%	1.99	1,850	10.1%	6.19	9.39	26.70	26.70
CVIC2505	9/19/2025	114	10,100	-49.58%	5.56	8,670	10.0%	18.31	48.91	97.00	97.00

Chú thích: Các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%

*: Đơn vị 1,000 VND
Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes

- Trong phiên giao dịch ngày 28/05/2025, các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.
- CVRE2410 có mức tăng trưởng tốt nhất, ở mức 27.08%. CMBB2407 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 10.02%.
- CVIC2405, CVIC2502, CVIC2503, CVHM2408, CVHM2503 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CVHM2504, CVIC2503, CFPT2402, CVRE2504, CVIC2405 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Nguyen Giang Anh
anhng@bsc.com.vn

Top CP tác động tích cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
VIC	97.00	2.65%	4.13
VHM	75.70	1.88%	2.05
VRE	26.70	5.53%	1.96
HPG	25.60	0.20%	0.26
SSB	18.60	0.81%	0.17

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top CP tác động tiêu cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
FPT	118.40	-0.50%	-0.67
HDB	22.25	-1.55%	-0.56
STB	41.05	-1.08%	-0.52
LPB	31.95	-0.78%	-0.44
MBB	24.60	-0.61%	-0.31

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VIC	97.00	2.65%	2.31	3.88
VHM	75.70	1.88%	1.35	4.11
VRE	26.70	5.53%	0.78	2.27
BSR	18.15	2.83%	0.37	3.10
VPL	88.00	0.92%	0.34	1.79

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
PVS	29.00	6.62%	0.58	0.48
KSF	65.90	3.62%	0.45	0.30
IDC	43.00	2.63%	0.23	0.33
KSV	168.50	0.96%	0.20	0.20
DTK	12.90	2.38%	0.13	0.68

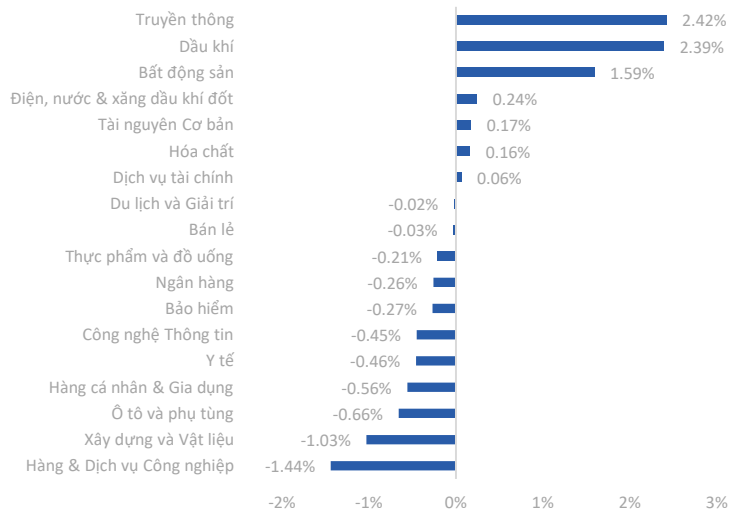
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
HU1	6.27	7.00%	0.00	0.02
MHC	9.18	6.99%	0.01	0.73
L10	22.35	6.94%	0.00	0.00
TLD	7.59	6.90%	0.01	1.56
PIT	7.32	6.86%	0.00	0.06

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
BTW	45.20	9.98%	0.16	0.00
BPC	11.10	9.90%	0.02	0.00
TVC	9.00	9.76%	0.37	0.79
DL1	9.20	9.52%	0.35	5.04
NBW	37.10	9.44%	0.14	0.00

Hình 1
Diễn biến ngành cấp 2



Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
GEE	104.00	-5.45%	-0.48	0.37
HVN	39.55	-1.49%	-0.30	2.21
HDB	22.25	-1.55%	-0.28	3.51
MBB	24.60	-0.61%	-0.21	6.10
FPT	118.40	-0.50%	-0.20	1.47

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
NTP	74.80	-2.86%	-0.19	0.14
PVI	54.30	-1.27%	-0.10	0.23
PTI	20.50	-3.30%	-0.05	0.12
PIC	22.80	-9.52%	-0.05	0.03
IPA	13.70	-2.14%	-0.04	0.21

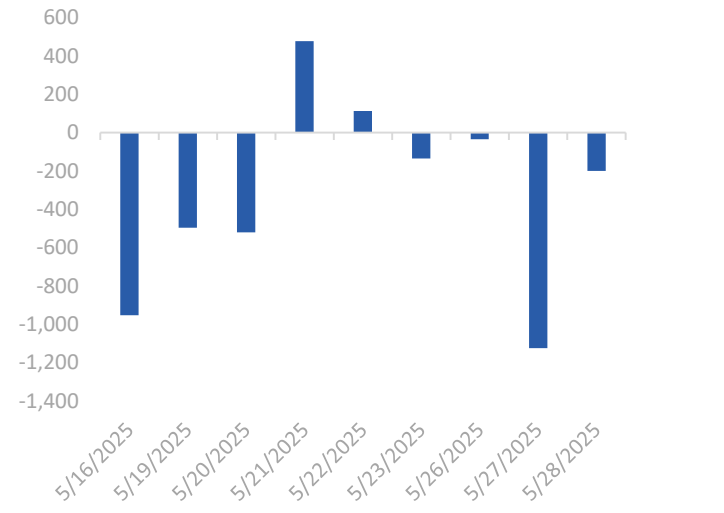
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
SBV	8.56	-6.96%	0.00	0.00
TEG	5.77	-6.94%	-0.01	0.30
TPC	9.82	-6.92%	0.00	0.03
SVI	54.00	-6.90%	-0.01	0.00
VNE	5.58	-6.84%	-0.01	0.97

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
PTD	5.60	-9.68%	-0.01	0.00
VE3	8.50	-9.57%	0.00	0.00
PIC	22.80	-9.52%	-0.27	0.00
PPP	20.00	-9.50%	-0.06	0.00
PV2	2.50	-7.41%	-0.03	0.32

Hình 2
Giao dịch khối ngoại



Nguồn: FiinProX, BSC Research

DANH MỤC BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	Giá mục tiêu (VNĐ)	NN sở hữu	Link tải báo cáo
MWG	Bán lẻ	64.4	0.2%	1.6	95,243	713.1	2,980	21.6		47.9%	
KBC	Bất động sản	26.9	-1.3%	1.7	20,649	193.8	1,629	16.5		17.4%	
KDH	Bất động sản	29.5	-1.8%	1.2	29,778	57.8	896	32.9		36.1%	
PDR	Bất động sản	17.3	-1.7%	1.7	15,695	145.9	180	96.0	23,600	10.8%	Link
VHM	Bất động sản	75.7	1.9%	0.9	310,931	667.3	7,766	9.8	58,200	11.2%	Link
FPT	Công nghệ Thông tin	118.4	-0.5%	1.1	175,389	586.8	5,615	21.1	163,000	41.1%	Link
BSR	Dầu khí	18.2	2.8%	0.0	56,274	102.6	(37)	-493.8		0.3%	
PVS	Dầu khí	29.0	6.6%	1.4	13,861	261.1	2,303	12.6	40,300	15.2%	Link
HCM	Dịch vụ tài chính	26.0	0.0%	1.5	18,683	322.3	1,394	18.6		38.9%	
SSI	Dịch vụ tài chính	23.7	0.0%	1.4	46,496	624.2	1,546	15.3		34.4%	
VCI	Dịch vụ tài chính	36.6	-1.2%	1.5	26,247	405.3	1,602	22.8		30.3%	
DCM	Hóa chất	33.9	-1.3%	1.4	17,947	103.5	2,805	12.1	37,800	5.0%	Link
DGC	Hóa chất	90.7	-1.2%	1.3	34,446	132.5	8,224	11.0	108,500	15.0%	Link
ACB	Ngân hàng	21.4	-0.2%	0.7	109,924	175.7	3,224	6.6	30,400	30.0%	Link
BID	Ngân hàng	36.5	0.6%	0.9	256,280	170.0	3,643	10.0	47,000	17.6%	Link
CTG	Ngân hàng	39.6	-0.1%	1.0	212,383	222.5	4,806	8.2	50,000	27.1%	Link
HDB	Ngân hàng	22.3	-1.6%	1.1	77,765	302.5	3,985	5.6		16.8%	
MBB	Ngân hàng	24.6	-0.6%	0.9	150,116	354.3	4,049	6.1	28,200	23.2%	Link
MSB	Ngân hàng	11.7	-0.4%	1.1	30,290	225.5	2,150	5.4	14,000	27.5%	Link
STB	Ngân hàng	41.1	-1.1%	1.1	77,388	322.6	5,767	7.1		21.3%	
TCB	Ngân hàng	30.5	-0.3%	1.2	215,478	593.5	3,013	10.1	32,700	22.5%	Link
TPB	Ngân hàng	13.4	0.0%	0.9	35,270	114.0	2,383	5.6	-	22.9%	Link
VCB	Ngân hàng	56.8	0.0%	0.6	474,602	415.8	4,063	14.0		22.2%	
VIB	Ngân hàng	18.5	-1.1%	1.1	54,965	75.9	2,400	7.7	23,000	5.0%	Link
VPB	Ngân hàng	18.0	-0.6%	1.1	142,811	236.3	2,030	8.9	24,000	24.5%	Link
HPG	Tài nguyên Cơ bản	25.6	0.2%	1.1	163,744	400.5	1,954	13.1	35,800	22.1%	Link
HSG	Tài nguyên Cơ bản	16.5	0.3%	1.7	10,215	88.8	749	22.0	16,800	8.5%	Link
DBC	Thực phẩm và đồ uống	28.3	-0.7%	1.4	9,471	236.9	3,930	7.2	32,200	2.7%	Link
MSN	Thực phẩm và đồ uống	63.9	-0.2%	1.5	91,911	332.0	1,518	42.1		24.7%	
VNM	Thực phẩm và đồ uống	55.2	-0.4%	0.7	115,366	215.9	4,194	13.2		48.5%	

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	NN sở hữu	ROE (%)	Link
DGW	Bán lẻ	33.4	-0.89%	1.6	7,320	53.8	2,098	15.9	18.7%	15.7%	Link
FRT	Bán lẻ	167.5	-0.36%	1.0	22,821	39.3	3,279	51.1	32.7%	24.0%	
BVH	Bảo hiểm	52.4	-0.19%	0.9	38,898	22.3	2,975	17.6	27.0%	9.7%	
DIG	Bất động sản	17.0	-1.45%	1.6	10,367	302.7	321	52.9	3.5%	2.5%	
DXG	Bất động sản	18.1	1.69%	1.6	15,719	610.1	372	48.5	23.7%	2.5%	Link
HDC	Bất động sản	24.0	-1.23%	1.2	4,281	105.8	436	55.1	2.9%	3.4%	
HDG	Bất động sản	26.9	-0.19%	1.4	9,031	71.7	839	32.0	19.9%	4.6%	Link
IDC	Bất động sản	43.0	2.63%	1.3	14,190	150.0	4,982	8.6	16.8%	31.2%	
NLG	Bất động sản	37.0	0.27%	1.4	14,248	170.2	1,827	20.3	42.7%	7.4%	Link
SIP	Bất động sản	68.5	-0.87%	0.0	14,422	49.6	6,076	11.3	4.8%	29.7%	
SZC	Bất động sản	35.0	-1.27%	1.4	6,291	103.3	2,036	17.2	2.4%	11.8%	Link
TCH	Bất động sản	19.5	-1.52%	1.4	13,030	232.6	1,279	15.2	9.9%	9.1%	Link
VIC	Bất động sản	97.0	2.65%	1.0	370,895	618.4	2,823	34.4	7.8%	8.0%	
VRE	Bất động sản	26.7	5.53%	1.2	60,671	440.5	1,844	14.5	18.5%	10.1%	
CMG	Công nghệ Thông tin	34.5	-0.14%	0.9	7,290	40.2	1,654	20.9	36.1%	12.5%	
PLX	Dầu khí	35.5	2.16%	0.9	45,106	62.9	1,535	23.1	17.3%	7.6%	Link
PVD	Dầu khí	19.1	1.06%	1.4	10,617	218.0	1,246	15.3	7.4%	4.4%	Link
FTS	Dịch vụ tài chính	37.0	0.95%	1.8	12,451	199.3	1,650	22.4	27.8%	13.7%	
MBS	Dịch vụ tài chính	27.0	0.00%	1.8	15,465	128.2	1,650	16.4	6.9%	12.9%	
GAS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	64.1	0.63%	0.7	150,165	74.2	4,543	14.1	1.7%	17.0%	Link
POW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	13.5	0.00%	1.0	31,615	170.1	546	24.7	3.6%	4.0%	Link
REE	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	72.4	-0.55%	1.0	34,101	48.4	4,511	16.1	49.0%	11.4%	Link
VJC	Du lịch và Giải trí	88.0	-0.45%	0.6	47,662	55.7	2,783	31.6	12.3%	8.9%	
GEX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	35.5	-1.39%	1.7	32,035	403.5	1,954	18.2	8.8%	12.8%	Link
GMD	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	60.9	2.35%	1.2	25,590	230.8	3,797	16.0	39.7%	11.9%	Link
HAH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	80.5	-4.62%	1.4	10,457	383.6	5,594	14.4	11.6%	25.8%	Link
PVT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	22.5	0.22%	1.1	8,010	79.0	3,026	7.4	10.6%	14.2%	Link
VTP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	109.6	-1.26%	0.0	13,347	49.5	3,235	33.9	6.0%	24.9%	
PNJ	Hàng cá nhân & Gia dụng	79.3	-1.25%	0.9	26,796	61.6	6,105	13.0	48.7%	18.6%	Link
TCM	Hàng cá nhân & Gia dụng	34.6	0.00%	0.9	3,524	144.6	2,869	12.1	50.0%	13.2%	
TNG	Hàng cá nhân & Gia dụng	19.1	-2.05%	1.4	2,342	23.3	2,580	7.4	16.3%	17.0%	Link
DPM	Hóa chất	34.0	0.15%	1.4	13,305	76.8	1,223	27.8	8.4%	4.3%	Link
GVR	Hóa chất	29.7	0.85%	2.0	118,600	174.9	1,174	25.3	0.8%	8.9%	
EIB	Ngân hàng	21.8	-1.36%	0.9	40,514	332.1	1,856	11.7	4.3%	14.0%	Link
LPB	Ngân hàng	32.0	-0.78%	0.9	95,444	68.6	3,333	9.6	0.8%	23.7%	
NAB	Ngân hàng	17.3	-0.86%	0.0	23,676	34.9	2,809	6.1	1.8%	20.4%	
OCB	Ngân hàng	10.9	-0.46%	1.0	26,754	24.3	1,189	9.1	19.2%	9.4%	Link
NKG	Tài nguyên Cơ bản	13.1	-0.38%	1.6	5,841	107.1	1,122	11.6	5.3%	5.9%	Link
ANV	Thực phẩm và đồ uống	15.8	-1.87%	1.4	4,194	29.4	612	25.7	0.8%	5.7%	
BAF	Thực phẩm và đồ uống	35.4	0.43%	0.7	10,747	119.0	1,425	24.8	2.6%	12.2%	
SAB	Thực phẩm và đồ uống	49.5	0.00%	1.0	63,423	33.1	3,217	15.4	59.2%	17.2%	
VHC	Thực phẩm và đồ uống	56.9	-2.57%	1.2	12,771	100.5	5,567	10.2	22.6%	14.4%	Link
BMP	Xây dựng và Vật liệu	140.4	-1.54%	0.8	11,493	25.3	13,288	10.6	85.8%	38.6%	Link
CTD	Xây dựng và Vật liệu	82.6	-1.20%	1.3	8,254	110.1	3,238	25.5	48.2%	3.7%	Link
CTR	Xây dựng và Vật liệu	93.3	-1.37%	1.3	10,672	38.3	4,754	19.6	8.9%	29.3%	
DPG	Xây dựng và Vật liệu	67.2	-1.03%	1.4	4,234	130.6	3,738	18.0	8.6%	12.2%	
HHV	Xây dựng và Vật liệu	12.4	-1.59%	1.7	5,875	103.0	1,096	11.3	7.8%	5.2%	Link
PC1	Xây dựng và Vật liệu	22.8	-1.30%	1.3	8,154	45.0	1,237	18.4	16.7%	8.1%	Link
VCG	Xây dựng và Vật liệu	22.2	-0.67%	1.5	13,289	209.0	988	22.5	7.0%	7.4%	
VGC	Xây dựng và Vật liệu	45.0	-0.55%	1.5	20,176	48.0	2,720	16.6	5.7%	14.6%	

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logisitic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 05/2025_Phát triển kinh tế tư nhân, nội lực tăng trưởng mới	x		Click
2	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 04/2025_Cập nhật diễn biến cuộc chiến thuế quan 2025	x		Click
3	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 03/2025_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
4	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 02/2025_Thương chiến 2.0	x		Click
5	Triển vọng VMTT 2025_Đổi mới 2.0 - Thách thức và Cơ hội	x		Click
6	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
7	BSC_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
8	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 12/2024	x		Click
9	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 11/2024	x		Click
10	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 10/2024	x		Click
11	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 9/2024	x		Click
12	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 8/2024	x		Click
13	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 6/2024	x		Click
14	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 5/2024	x		Click
15	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 4/2024	x		Click
16	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 3/2024	x		Click
17	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 2/2024	x		Click
18	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 1/2024	x		Click
19	BSC_Vietnam Macro Market Outlook 2024_VN_Cơ hội vượt lên thách thức		x	Click
20	Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2024		x	Click
21	Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2024		x	Click
22	Vietnam Sector Outlook_VN_1Q2024		x	Click
23	Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2024		x	Click
24	BSC_Báo cáo ngành điện		x	Click
25	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2023	x		Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2025 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Trần Thăng Long
Giám đốc Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Longtt@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Vĩ mô – Thị trường
Khoabn@bsc.com.vn

Phan Quốc Bửu
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Ngành – Doanh nghiệp
Buupq@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Vũ Việt Anh
Chuyên viên phân tích
Anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng
Chuyên viên phân tích
Tungtt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo
Chuyên viên phân tích
Thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh
Chuyên viên phân tích
Anhng@bsc.com.vn

Lưu Diễm Ngọc
Chuyên viên phân tích
Ngocld@bsc.com.vn

BSC Trụ sở chính
Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: (024) 3935 2722
Fax: (024) 2220 0669

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh
Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place
Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM
Tel: (028) 3821 8885
Fax: (028) 3821 8879

Trung tâm Phân tích nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(024) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(024) 39264 659

Đối với Khách hàng cá nhân
i-center@bsc.com.vn
(024) 39264 660

Website: <http://www.bsc.com.vn>